

Bản án số: 32/2024/HS-ST

Ngày: 04/6/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cù Quý Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng Châu.

2. Ông Nguyễn Văn Cường.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn An Phước - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa:** Ông Trần Giang Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu P, sinh ngày 12/02/1980 tại Vinh Long; nơi cư trú: Số: 911, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long; chỗ ở: Số I, đường A, Phường E, thành phố V, tỉnh Vinh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1944 và bà Đặng Thi Tuyết N, sinh năm 1955; bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Thu L; con: Nguyễn Huy P1; tiền án – tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành án xong ngày 04/02/2021 và đã được xóa án tích. Bị cáo là người nghiện ma túy từng đi cai nghiện ma túy 02 lần tại Cơ sở cai nghiện ma túy thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh V. Lần 1 vào ngày 16/11/2006 đến ngày 16/11/2008, lần 2 vào ngày 13/5/2009 đến ngày 20/01/2011.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/3/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Ông Phạm Hồng T1, sinh năm 1982; nơi thường trú: Số C, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà [Lê Thị D](#), sinh năm 1983; nơi thường trú: [Số C, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long](#) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 16/3/2024, [Nguyễn Hữu P](#) đi bộ từ nhà trọ thuộc [Phường E, thành phố V qua cầu T](#) rẽ phải xuống đường 30 tháng 4, [Phường A, thành phố V](#) tìm tài sản để lấy trộm. Khi đi bộ đến đầu hẻm trụ sở cũ của [Ủy ban nhân dân thành phố V](#), tại [số G, đường C tháng D, Phường A, T](#) nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future neo, màu đỏ-đen-xám, biển số 64H6-0253 của ông [Phạm Hồng T1](#) đang đậu không có người trông coi nên bị cáo liền nảy sinh ý định lấy trộm. Do xe bị khóa cổ, nên bị cáo dùng “cây đoản” mang theo trong người ra mở ổ khóa xe, khởi động xe chạy về phòng trọ. Khi về đến phòng trọ, bị cáo liền tháo ốp trước tay lái và biển số của xe ra rồi để xe trong phòng trọ cất giấu. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, ông [Phạm Hồng T1](#) phát hiện bị mất xe nên đã đến [Công an P2, thành phố V](#) trình báo.

Ngày 17/3/2024, bị cáo ra [Chợ V](#) mua 01 chìa khóa xe của một người đàn ông không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể về cắm vào ổ khóa xe sau đó tìm nơi để bán nhưng không bán được. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo mang xe đến Công an Phường 1, [thành phố V](#) giao nộp và đầu thú.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 12/HĐĐGTSTTHS ngày 29/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự [thành phố V](#) kết luận: xe mô tô biển số kiểm soát 64H6-0253 có giá trị 11.200.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS.TPVL, ngày 06/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố bị cáo [Nguyễn Hữu P](#) về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

- ***Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và phát biểu quan điểm các vấn đề khác liên quan đến vụ án:*** Khẳng định nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã đề nghị truy tố đối với bị cáo [Nguyễn Hữu P](#) về tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật; phân tích đánh giá tác hại của hành vi bị cáo đã thực hiện, nhận định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo [Nguyễn Hữu P](#) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo [Nguyễn Hữu P](#) mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015: tịch thu tiêu hủy vật chứng thu giữ theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/5/2024. Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường; về án phí: buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- **Lời trình bày của bị cáo:** Do cần tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng miêu tả. Tại phiên tòa, bị cáo nhận ra sai trái, hứa sau này không tái phạm; bị cáo không tham gia tranh luận và lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an thành phố V](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2].2.1 Lời trình bày và khai nhận của bị cáo [Nguyễn Hữu P](#) tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án thể hiện qua các lời khai bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại Cơ quan điều tra, vật chứng thu được, biên bản xác định địa điểm, kết luận định giá tài sản, các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận rằng: Vào khoảng 19 giờ ngày 16/3/2024, bị cáo [Nguyễn Hữu P](#) đi bộ từ nhà trọ thuộc [Phường E, thành phố V](#) đến đầu hẻm trụ sở cũ của [Ủy ban nhân dân thành phố V](#), tại [số G, đường C tháng D, Phường A, T](#) nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future neo, màu đỏ-đen-xám, biển số 64H6-0253 khóa cổ đang đậu không có người trông coi nên bị cáo liền nảy sinh ý định lấy trộm. Bị cáo dùng “cây đoản” mang theo trong người ra mở ổ khóa xe, khởi động xe chạy về phòng trọ. Đến khoảng 14 giờ ngày 17/3/2024, bị cáo mang xe đến Công an Phường 1, [thành phố V](#) giao nộp và đầu thú. Kết luận định giá xe mô tô biển số 64H6-0253 trị giá 11.200.000đ.

2.2 Dấu hiệu hành vi vừa nêu trên của bị cáo [Nguyễn Hữu P](#) đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố đối với bị cáo và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại [Phạm Hồng T1](#) gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội; bị cáo là người có nhân thân xấu, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, muốn hưởng thụ trên công sức lao động của người khác nên đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để răn đe trường hợp tương tự và góp phần

đấu tranh phòng chống tội phạm có hiệu quả nên cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian.

Nhưng xét thấy bị cáo đầu thú và tự nguyện giao nộp lại tài sản để trả cho bị hại. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà nhận tội, thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải. Vì vậy, khi quyết định hình phạt xem đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng: 01 (một) chìa khóa xe máy, dài 09cm, một đầu bọc nhựa màu đen dài 3,5cm, bên trên có chữ HONDA; 01 (một) đoạn kim loại màu trắng sáng, một đầu hình tròn, đầu còn lại dẹp, dài 7,5cm, đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn kim loại màu trắng sáng, hai đầu tròn, trên thân có chữ 7mm LS+LS200200CRV, dài 13cm, đã qua sử dụng là công cụ để phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra ông [T1](#) đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại, bà [D](#) là vợ ông [T1](#) cũng không yêu cầu bồi thường thiệt hại nghĩa là không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Hữu P](#) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo [Nguyễn Hữu P](#) 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo [P](#) tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không nghề nghiệp.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chìa khóa xe máy, dài 09cm, một đầu bọc nhựa màu đen dài 3,5cm, bên trên có chữ HONDA; 01 (một) đoạn kim loại màu trắng sáng, một đầu hình tròn, đầu còn lại dẹp, dài 7,5cm, đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn kim loại màu trắng sáng, hai đầu tròn, trên thân có chữ 7mm LS+LS200200CRV, dài 13cm, đã qua sử dụng (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/5/2024 giữa [Công an thành phố V](#) với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Quốc hội. Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- Tòa án nhân dân tỉnh VL;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL;
- Sở Tư pháp tỉnh VL;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh VL (PV06);
- Viện kiểm sát nhân dân TPVL;
- Công an TPVL (CQTHAHS);
 - Chi cục Thi hành án dân sự TPVL;
- UBND và Công an xã (phường, thị trấn) nơi bị cáo đăng ký HKTT;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

CÙ QUÝ NỮ